

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2024/DS-ST

Ngày: 30-7-2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hồng Đăng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Thành Đông.

2. Bà Phạm Thị Thu Trang.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Bình Nguyên, Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 245/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 238/2024/QĐST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 164/2024/QĐST – DS ngày 12 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hồ Văn T, sinh năm: 1965.

Bà Lê Thị N, sinh năm: 1963.

Cùng địa chỉ: 369, ấp Hưng An Tây, xã Hưng Nhượng, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:

Ông Phan Văn T, sinh năm: 1960.

Địa chỉ: ấp Hòa Thạnh B, xã Lương Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Xanh E, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: 53, ấp Hưng An Tây, xã Hưng Nhượng, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Phan Văn T vắng mặt; bị đơn bà Nguyễn Thị Xanh E vắng mặt (ông T có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Phan Văn T trình bày:

Giữa vợ chồng ông Hồ Văn T, bà Lê Thị N và bà Nguyễn Thị Xanh E có quen biết với nhau nên ông, bà có cho bà Nguyễn Thị Xanh E vay tiền, cụ thể vào ngày 27/9/2021 bà N có cho bà Xanh E vay số tiền 100.000.000 đồng; vào ngày 19/7/2022 ông T có cho bà Xanh E vay số tiền 50.000.000 đồng. Khi vay tiền bà

Xanh E có viết và ký tên vào 02 biên nhận nợ. Hai bên không thoả thuận thời hạn vay và lãi suất. Sau khi nhận tiền vay thì đến nay bà Xanh E không trả tiền vốn vay cho ông T và bà N, mặc dù ông T, bà N đã nhiều lần liên hệ để yêu cầu bà Xanh E trả tiền lại cho ông bà nhưng bà Xanh E cứ hẹn lần hẹn lượt mà không thực hiện.

Do đó, bà N khởi kiện yêu cầu bà Xanh E có nghĩa vụ trả cho bà số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 27/9/2021 cho đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 1,66%/tháng. Ông T khởi kiện yêu cầu bà Xanh E có nghĩa vụ trả cho ông số tiền vốn vay là 50.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 19/7/2022 cho đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 1,66%/tháng.

Tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện về phần lãi suất. Ông T và bà N yêu cầu bà Xanh E trả tiền vốn vay như trên và yêu cầu tính lãi suất từ ngày khởi kiện đến ngày toà án xét xử sơ thẩm.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm đã thông báo và tổ chức các phiên hòa giải nhưng bà Xanh E đều vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà Xanh E đã được tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Bà Xanh E cũng không có ý kiến yêu cầu gì đối với yêu cầu của ông T và bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: người đại diện theo uỷ quyền của ông Hồ Văn T và bà Lê Thị N là ông Phan Hoài T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt; bà Nguyễn Thị Xanh E là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T và bà Xanh E.

[2]. *Về nội dung vụ án*:

[2.1] Bà Lê Thị N yêu cầu bà Nguyễn Thị Xanh E trả tiền vốn vay là 100.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 0,83%/tháng từ ngày khởi kiện đến ngày toà án xét xử sơ thẩm. Ông Hồ Văn T yêu cầu bà Nguyễn Thị Xanh E trả tiền vốn vay là 50.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 0,83%/tháng từ ngày khởi kiện đến ngày toà án xét xử sơ thẩm.

Nguyên đơn cho rằng: giữa nguyên đơn và bà Nguyễn Thị Xanh E có thỏa thuận giao dịch với nhau về việc vay tài sản. Vào ngày 27/9/2021 bà N có cho bà Xanh E vay số tiền 100.000.000 đồng, không thoả thuận thời hạn vay và không thoả thuận lãi suất. Vào ngày 19/7/2022 ông T có cho bà Xanh E vay số tiền 50.000.000, không thoả thuận thời hạn vay, lãi suất hai bên thoả thuận theo lãi suất Ngân hàng. Khi vay tiền bà Xanh E có ký tên biên nhận nợ cho bà N và ông T. Khi bà N và ông T có nhu cầu nhận lại tiền vốn vay thì bà N, ông T có liên hệ

với bà Xanh E nhưng bà Xanh E hèn lẩn hèn lượt nên bà N, ông T khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết như trên.

Do bị đơn bà Xanh E vắng mặt nên việc giải quyết yêu cầu của nguyên đơn được xE xét trên cơ sở tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Căn cứ nguyên đơn khởi kiện là:

Giấy viết tay trên tập học sinh có nội dung: “*Hôm nay ngày 27-9-2021 Tôi: Nguyễn Thị Xanh E, sinh năm 1985, số giấy chứng minh: 321246851 cấp 25-10-2017. Tôi có mượn chị Lê Thị N số tiền là 100.000.000 một trăm triệu đồng chẵn*”. Giấy mượn tiền có chữ ký và viết họ tên Nguyễn Thị Xanh E dưới mục “người mượn”.

Giấy viết tay trên tập học sinh có nội dung:

“*...Đơn mượn tiền*”. *Hôm nay ngày 19 tháng 7 năm 2022, tôi tên Nguyễn Thị Xanh E, sinh 15-10-1985, số giấy chứng minh 321246851 có mượn ông Hồ Văn T số tiền là 50.000.000 năm mươi triệu đồng chẵn. Tôi sẽ đóng lãi đầy đủ hàng tháng. Giấy có chữ ký và viết họ tên Nguyễn Thị Xanh E dưới mục “người mượn*”.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để giải quyết vụ án nhưng bà Xanh E vẫn vắng mặt không lý do. Bà Xanh E không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng như không phản đối những tình tiết, sự kiện mà ông T và bà N đưa ra theo khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết không phải chứng minh. Như vậy, căn cứ theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự, việc vay tiền giữa ông T, bà N và bà E là hợp đồng vay tài sản, có sự ràng buộc nghĩa vụ giữa các bên.

Trong nội dung hai giấy mượn tiền không thoả thuận thời hạn vay, như vậy các bên đã ký kết hợp đồng vay không kỳ hạn theo quy định tại Điều 469 Bộ luật dân sự. Điều 469 Bộ luật dân sự quy định “*Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”. Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án để bà Xanh E biết về việc bà N và ông T đã khởi kiện để yêu cầu bà Xanh E trả tiền nợ vay nhưng đến nay bà Xanh E điều không có ý kiến. Do đó, bà Xanh E đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T, bà N nên bà N yêu cầu bà Xanh E trả số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng và ông T yêu cầu bà Xanh E trả số tiền vốn vay là 50.000.000 đồng hoàn toàn phù hợp, có căn cứ được chấp nhận.

[2.2]. Về lãi suất:

Trong đơn khởi kiện ông T, bà N yêu cầu tính lãi đối với số tiền vốn vay từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm là 1,66%/tháng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án ông T, bà N yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày khởi kiện đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Hội đồng xét xử xét thấy, giấy mượn tiền ngày 27/9/2021 không thể hiện lãi suất, giấy mượn tiền ngày 19/7/2022 có nội dung “Tôi sẽ đóng lãi đầy đủ hàng tháng”. Tuy nhiên, nội dung cũng không thể hiện lãi suất cụ thể, rõ ràng.

Theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự: “...4. Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.

5. Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này...”

Bà N, ông T, bà Xanh E không thỏa thuận thời gian trả nợ nên xác định bà Xanh E biết việc bà N, ông T đòi lại số tiền vay vào ngày bà Xanh E nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án là ngày 30/5/2024 nên buộc bà Xanh E T toán cho bà N, ông T tiền lãi từ ngày 30/5/2024 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 466; điểm a khoản 5; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Cụ thể tiền lãi được tính như sau:

Đối với khoản vay của bà N: $100.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 02 \text{ tháng} = 1.660.000 \text{ đồng}$.

Đối với khoản vay của ông T: $50.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 02 \text{ tháng} = 830.000 \text{ đồng}$.

Từ những phân tích trên, nguyên đơn ông T, bà N khởi kiện yêu cầu bà Xanh E có nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Buộc bà Xanh E có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng và 1.660.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 101.660.000 đồng. Buộc bà Xanh E có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền vốn vay là 50.000.000 đồng và 830.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 50.830.000 đồng.

[3]. Về án phí:

Do yêu cầu của ông T, bà N được chấp nhận toàn bộ nên bà Xanh E phải chịu án phí là 7.624.500 đồng ($101.660.000 \text{ đồng} \times 5\% = 11.335.620 \text{ đồng} + 50.830.000 \times 5\%$).

Bà N, ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên ông T được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 228 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 469 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Văn T, bà Lê Thị N đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị Xanh E về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

2. Buộc bà Nguyễn Thị Xanh E có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị N số tiền vốn vay là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng và 1.660.000 (một triệu sáu trăm sáu mươi nghìn) đồng tiền lãi, tổng cộng là 101.660.000 (một trăm lẻ một triệu sáu trăm sáu mươi nghìn) đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị Xanh E có nghĩa vụ trả cho ông Hồ Văn T số tiền vốn vay là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng và 830.000 (tám trăm ba mươi nghìn) đồng tiền lãi, tổng cộng là 50.830.000 (năm mươi triệu tám trăm ba mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Xanh E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.624.500 (bảy triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn năm trăm) đồng và còn phải nộp đủ số tiền này.

Ông Hồ Văn T, bà Lê Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Hồ Văn T được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.525.000 (hai triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005127 ngày 20 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; các bên đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Đang